

Số/ No.: 16063648/KQ

Mã số/ Code: 16062713/16060890

Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Tên khách hàng / Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
Địa chỉ / Address : 92 Lê Duẩn, Phường 1, Tp.Bạc Liêu
Ngày nhận mẫu / Date of receiving : 08/06/2016 Ngày trả kết quả / Date of issue : 24/06/2016
Ngày thực hiện / Testing date : 08/06/2016
Tên mẫu : Nước sau lọc nhà máy số 2
Tình trạng mẫu / State of sample : Nước trong, đựng trong bình 10 Lit
Ghi chú / Note :

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETER	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT
01	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/L	SMEWW 2540C:2012	538
02	Arsen (As)	mg/L	SMEWW 3030 E:2012 SMEWW 3113 B:2012	Không phát hiện (LOD = 0.0005)
03	Nhôm (Al) (*)	mg/L	Ref.SMEWW 3500 Al B:2012	Không phát hiện (LOD = 0.002)
04	Amoni (NH ₄ ⁺) (*)	mg/L	TCVN 5988:1995	Không phát hiện (LOD = 0.08)
05	Hydro sunfur (H ₂ S) (*)	mg/L	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD = 0.01)
06	Fluorid (F) (*)	mg/L	SMEWW 4500 F D.SPADNS:2012	Không phát hiện (LOD = 0.01)
07	Chì (Pb) (*)	mg/L	SMEWW 3030 E:2012 SMEWW 3113 B:2012	Không phát hiện (LOD = 0.001)
08	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/L	SMEWW 3112B-Hg:2012	Không phát hiện (LOD = 0.0001)
09	Natri (Na ⁺)	mg/L	SMEWW 3500 Na-B:2012	98
10	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	Ref.EPA 604 (GCMS)	Không phát hiện (LOD = 0.00002)
11	Benzen	µg/L	Ref.EPA 5021A (GCMS)	Không phát hiện (LOD = 1)

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, ký hiệu mẫu theo khách hàng gửi. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/Test results are valid only for test sample, name of sample as the client's requirement. Time-limit of storage: 5 days from reporting date

Số/ No.: 16063648/KQ

Mã số/ Code: 16062713/16060890

Trang/ Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETER	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT
12	Benzo(a)pyren	µg/L	US EPA 524.2	Không phát hiện (LOD = 0.005)
13	Monoclorobenzen	µg/L	US EPA 524.2	Không phát hiện (LOD = 0.005)
14	Monocloramin	µg/L	US EPA 524.2	Không phát hiện (LOD = 0.005)
15	Tổng hoạt độ α	pCi/L	ISO 9696:1992	0.502 ± 0.162
16	Tổng hoạt độ β	pCi/L	ISO 9697:1992	4.62 ± 1.08

Ghi chú: (*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận. (ISO/IEC 17025:2005), (a): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ, LOD: Giới hạn phát hiện/ (*) :
Items are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2005), (a): Items are tested by subcontractor, LOD: Limit of detection

Phụ trách kỹ thuật
Technical Manager



Dr. Phạm Thị Ánh

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Lý Hoàng Hải



Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, ký hiệu mẫu theo khách hàng gửi. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Test results
are valid only for test sample, name of sample as the client's requirement. Time- limit of storage: 5 days from reporting date